

## LUYỆN TẬP CHUNG (Tiết 1)

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Yêu cầu cần đạt

- Nắm vững kiến thức về một số tứ giác đã học.
- Biết vận dụng công thức tính chu vi, diện tích của các tứ giác đã học.
- Vẽ thành thạo tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật.

#### 2. Phát triển năng lực

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày được kết quả thảo luận của nhóm trước lớp, tự tin tranh luận và bảo vệ ý kiến của mình.
- Năng lực tự chủ và tự học: Tự đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: HS xác định được cách thức, giải pháp để giải quyết bài toán thực tiễn liên quan đến tính chu vi, diện tích các hình đã học.
- Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học Toán: HS sử dụng được công cụ, phương tiện phù hợp để vẽ hình.

#### 3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu của giao viên, tích cực trao đổi, tự học, ghi chép đầy đủ.
- Trung thực: Hoạt động nhóm báo cáo trung thực.
- Trách nhiệm: Trách nhiệm của HS khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV: Máy chiếu. Sưu tầm một số bài toán thực tế có liên quan

2. Chuẩn bị của HS: Bộ đồ dùng học tập.

### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

#### Hoạt động 1: NÊU VẤN ĐỀ (5 phút)

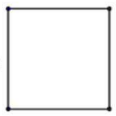
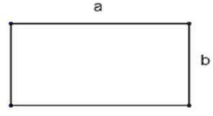
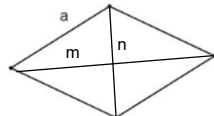
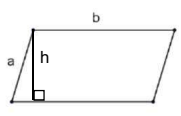
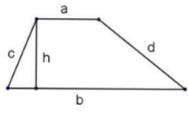
a) Mục tiêu: HS nhắc lại được công thức tính chu vi, diện tích các hình tứ giác.

b) Nội dung: GV treo phiếu học tập lên bảng và tổ chức cho HS chơi trò chơi “Tiếp sức”.

	Hình vuông	Hình chữ nhật	Hình thoi	Hình bình hành	Hình thang
Hình					
Chu vi					
Diện tích					

*Luật chơi:* Mỗi nhóm được lựa chọn một hình kèm theo những mẫu giấy ghi thông tin. Các nhóm cử lần lượt từng bạn lên dán giấy hoàn thành một nội dung của phiếu học tập. Bạn thứ 2 chỉ được lên khi bạn thứ 1 hoàn thành và quay về chỗ. Cứ lần lượt như vậy cho đến khi nào hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.

**c) Sản phẩm:** Phiếu học tập

	Hình vuông	Hình chữ nhật	Hình thoi	Hình bình hành	Hình thang
Hình					
Chu vi	$C = 4a$	$C = 2(a + b)$	$C = 4a$	$C = 2(a + b)$	$C = a + b + c + d$
Diện tích	$S = a.a$	$S = a.b$	$S = \frac{1}{2}m.n$	$S = a.h$	$S = \frac{1}{2}(a + b).h$

**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<ul style="list-style-type: none"> <li>– GV treo bảng phụ phiếu HT lên bảng.</li> <li>– GV thông qua thể lệ và tổ chức cho HS chơi trò chơi “Tiếp sức”.</li> <li>– GV nhận xét, đánh giá: Nhóm nào hoàn thành nhanh nhất và chính xác nhất thì sẽ nhận được phần thưởng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>HS quan sát.</li> <li>HS chơi trò chơi theo nhóm.</li> <li>HS lắng nghe.</li> </ul>

### Hoạt động 2: LUYỆN TẬP (15 phút)

**a) Mục tiêu:** HS biết vận dụng công thức tính chu vi, diện tích các hình để giải bài toán thực tế.

**b) Nội dung:**

- GV chiếu đề bài và hình vẽ Ví dụ 1 lên bảng và yêu cầu HS nêu phương án giải:
  - + Tính diện tích bãi cỏ?
  - + Tính số túi hạt giống để gieo hết bãi cỏ?
- GV chiếu Ví dụ 2 lên bảng và yêu cầu HS phân tích:
  - + Tính diện tích của nền nhà

+ Hướng dẫn HS đổi  $4\text{ dm} = 0,4\text{ m}$ , từ đó tính được diện tích mỗi viên gạch.

+ Tính số viên gạch dùng để lát nền nhà và số tiền mỗi viên.

c) **Sản phẩm:** Ví dụ 1 và Ví dụ 2 trong SGK tr.101.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<ul style="list-style-type: none"><li>– Chiếu đề bài và hình vẽ Ví dụ 1 lên bảng và yêu cầu HS nêu phương án giải.</li><li>– GV chiếu Ví dụ 2 lên bảng và yêu cầu HS phân tích, giải bài toán.</li><li>– Lưu ý HS đối với những bài toán cần đổi đơn vị.</li></ul>	<p>HS nêu cách giải.</p> <p>HS phân tích bài toán.</p> <p>Thực hiện tại chỗ giải toán theo từng bước đã phân tích.</p>

### Hoạt động 3: VẬN DỤNG (23 phút)

a) **Mục tiêu:**

- Vẽ thành thạo tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật.
- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, diện tích các tứ giác đã học.

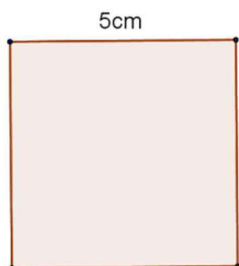
b) **Nội dung:**

- HS lên bảng làm Bài tập 4.23 (SGK tr.102).
- HS lên bảng làm Bài tập 4.24 (SGK tr.102).
- Cho HS hoạt động nhóm Bài tập 4.26 (SGK tr.102).

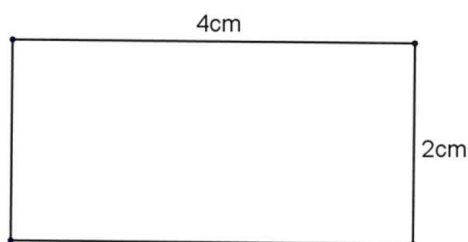
c) **Sản phẩm:**

– Bài 4.23:

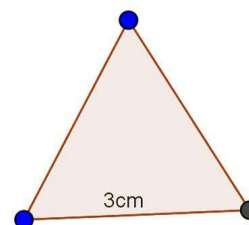
a) Hình vuông có cạnh 5 cm.



b) Hình chữ nhật có chiều dài 4 cm, chiều rộng 2 cm.



c) Tam giác đều có cạnh 3 cm.



– Bài 4.24:

a) Diện tích hình thoi MPNQ là:  $\frac{1}{2} \cdot 6.8 = 24 \text{ (cm}^2\text{)}$ .

b) Chu vi của hình thoi MPNQ là:  $4 \cdot 5 = 20 \text{ (cm)}$ .

– Bài 4.26:

Diện tích của mảnh vườn hình vuông ban đầu là:  $20 \cdot 20 = 400 \text{ (m}^2\text{)}$ .

Phần đất còn lại là hình vuông có cạnh là:  $20 - 4 = 16 \text{ (m)}$ .

Diện tích trồng trọt của khu vườn là:  $16 \cdot 16 = 256 \text{ (m}^2\text{)}$ .

**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<ul style="list-style-type: none"><li>– Yêu cầu 3HS lên bảng làm Bài tập 4.23.</li><li>– Cho HS nhận xét.</li><li>– GV chiếu Bài tập 4.24 lên bảng, yêu cầu HS đọc và tóm tắt đề bài.</li><li>– Cho 1 HS lên bảng thực hiện Bài 4.24.</li><li>– GV yêu cầu HS nhận xét.</li><li>– Chiếu đề bài 4.26.</li><li>– Tổ chức cho HS hoạt động nhóm Bài 4.26 trong 5 phút và yêu cầu đại diện một nhóm trình bày.</li><li>– GV nhận xét và chốt lại kiến thức.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>3 HS lên bảng vẽ hình.</li><li>HS nhận xét.</li><li>HS đọc và tóm tắt.</li><li>1 HS lên bảng trình bày.</li><li>HS nhận xét.</li><li>HS quan sát.</li><li>Hoạt động nhóm và đại diện 1 nhóm lên trình bày.</li></ul>

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)**

- Ôn tập lại công thức tính chu vi, diện tích các hình đã học.
- Làm các Bài tập 4.25, 4.27 (SGK tr.102),
- Chuẩn bị trước bài *Diện tích hình thoi*.

**TIẾT 53**

**LUYỆN TẬP CHUNG (Tiết 2)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Yêu cầu cần đạt**

Nắm vững các kiến thức về yếu tố cơ bản, công thức tính chu vi, diện tích các hình đã học và biết cách vận dụng vào tính toán.

## 2. Phát triển năng lực

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS chủ động tham gia, phối hợp và trao đổi thông qua hoạt động nhóm. Tự tin tranh luận ý kiến, bảo vệ ý kiến cá nhân.
- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: HS xác định được cách thức, giải pháp để giải quyết bài toán thực tiễn liên quan đến tính chu vi, diện tích các hình đã học.
- Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học Toán: HS sử dụng được công cụ, phương tiện phù hợp để vẽ hình.

## 3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực trao đổi, tự học, ghi chép đầy đủ.
- Trung thực: Hoạt động nhóm báo cáo trung thực.
- Trách nhiệm: Trách nhiệm của HS khi thực hiện nhiệm vụ.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV: Máy chiếu. Sưu tầm một số bài toán thực tế có liên quan.

2. Chuẩn bị của HS: Bộ đồ dùng học tập.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### Hoạt động 1: MỞ Bài (5 phút)

a) **Mục tiêu:** HS được củng cố lại công thức tính chu vi, diện tích hình chữ nhật và áp dụng vào bài toán thực tế.

b) **Nội dung:** HS lên bảng chữa Bài tập 4.25 (SGK tr.102).

Một mảnh giấy hình chữ nhật có diện tích  $96 \text{ cm}^2$ . Một cạnh có độ dài 12 cm. Tính chu vi của mảnh giấy.

c) **Sản phẩm:**

Độ dài cạnh còn lại là:  $96 : 12 = 8$  (cm).

Chu vi hình chữ nhật là:  $2(12 + 8) = 40$  (cm).

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<ul style="list-style-type: none"><li>– GV gọi HS lên bảng chữa bài tập về nhà.</li><li>– Yêu cầu HS lớp nhận xét bài làm của bạn.</li><li>– GV nhận xét, đánh giá.</li><li>– Nhắc lại các công thức tính chu vi, diện tích các hình đã học trên máy chiếu (hoặc bảng phụ).</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>1 HS lên bảng.</li><li>HS nhận xét.</li><li>HS nhớ lại.</li></ul>

## Hoạt động 2: LUYỆN TẬP (20 phút)

a) **Mục tiêu:** HS biết vận dụng công thức tính chu vi, diện tích các hình để giải bài toán thực tế.

b) **Nội dung:**

- GV chiếu Bài tập 4.22 (SBT tr.72) lên bảng.
- GV chiếu Bài tập 4.27 (SGK tr.102) lên bảng.

c) **Sản phẩm:**

– Bài tập 4.22 (SBT tr.72):

a) Diện tích hình vuông:  $5 \cdot 5 = 25 \text{ (cm}^2\text{)}$ ;

b) Diện tích hình thang cân:  $\frac{1}{2}(6+10) \cdot 4 = 32 \text{ (cm}^2\text{)}$ ;

c) Diện tích hình thoi :  $\frac{1}{2} \cdot 6 \cdot 10 = 30 \text{ (cm}^2\text{)}$ ;

d) Diện tích hình bình hành:  $12 \cdot 4 = 48 \text{ (cm}^2\text{)}$ .

– Bài tập 4.27 (SGK tr.102):

Chiều rộng của mảnh vườn hình chữ nhật là:  $\frac{3}{5} \cdot 25 = 15 \text{ (m)}$ ;

Phần đất dùng để trồng cây gồm bốn hình chữ nhật bằng nhau có kích thước là:

+ Chiều dài:  $(25 - 1) : 2 = 12 \text{ (m)}$ .

+ Chiều rộng:  $(15 - 1) : 2 = 7 \text{ (m)}$ .

Diện tích đất dùng để trồng cây là:  $(7 \cdot 12) \cdot 4 = 336 \text{ (m}^2\text{)}$ .

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>– GV chiếu Bài tập 4.22 (SBT tr.72) lên bảng và gọi 4 HS lên bảng tính diện tích các hình.</p> <p>– Gọi HS nhận xét bài của bạn.</p> <p>– Chiếu Bài tập 4.27 (SGK tr.102) lên bảng và yêu cầu HS đọc, phân tích.</p> <p>– Yêu cầu HS thực hiện theo nhóm trong 5 phút và gọi đại diện một nhóm lên bảng trình bày.</p> <p>– GV nhận định, đánh giá: HS có thể sẽ tính sai chiều dài, chiều rộng của bốn hình chữ nhật dùng trồng cây. Chiều dài: <math>25 : 2 = 12,5 \text{ (m)}</math>; Chiều rộng: <math>15 : 2 = 7,5 \text{ (m)}</math>.</p>	<p>4 HS lên bảng.</p> <p>HS nhận xét.</p> <p>HS đọc, phân tích hình.</p> <p>HS hoạt động nhóm và đại diện lên bảng trình bày.</p>

### Hoạt động 3: VẬN DỤNG (18 phút)

#### a) Mục tiêu:

- Tính thành thạo chu vi, diện tích các hình vuông, hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang.
- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, diện tích các tứ giác đã học.

#### b) Nội dung:

- Bài tập 4.25 (SBT tr.73).
- Bài tập 4.28 (SBT SGK tr.73).

#### c) Sản phẩm:

- Bài 4.25 (SBT tr.73):

Diện tích mỗi viên đá hình thang cân là:  $\frac{1}{2}(10 + 20) \cdot 8,6 = 129 \text{ (cm}^2\text{)}$ .

Diện tích viên đá lát hình lục giác đều là:  $129 \cdot 8 = 1\,032 \text{ (cm}^2\text{)}$ .

- Bài 4.28 (SBT tr.73)

Diện tích sân là:  $20 \cdot 30 = 600 \text{ (m}^2\text{)}$ .

Diện tích phần đá lát là:  $0,6 \cdot 0,6 \cdot 1\,400 = 504 \text{ (m}^2\text{)}$ .

Diện tích phần đất để trồng cỏ là:  $600 - 504 = 96 \text{ (m}^2\text{)}$ .

Chi phí trồng cỏ là:  $96 \cdot 30\,000 = 2\,880\,000 \text{ (đồng)}$ .

#### d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<ul style="list-style-type: none"><li>– GV đưa Bài tập 4.25 lên bảng, yêu cầu HS đọc và nêu hướng giải.</li><li>– Gọi 1 HS lên bảng thực hiện.</li><li>– Cho HS nhận xét bài bạn.</li><li>– Đưa Bài tập 4.28 lên bảng. Tổ chức cho HS hoạt động nhóm, phân tích và giải bài toán trong 7 phút.</li><li>– Yêu cầu đại diện một nhóm lên bảng trình bày.</li><li>– Cho HS nhận xét bài bạn.</li><li>– GV nhận xét và chốt kiến thức.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>HS đọc và nêu hướng giải quyết.</li><li>1 HS lên bảng.</li><li>HS nhận xét bài bạn.</li><li>HS hoạt động nhóm.</li><li>Đại diện 1 nhóm lên trình bày.</li><li>HS nhận xét.</li><li>HS lắng nghe.</li></ul>

### HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)

- Ôn tập lại công thức tính chu vi, diện tích các hình đã học.
- Làm các Bài tập 4.30, 4.31, 4.32, 4.33 (SGK tr.104).
- Thiết kế sơ đồ tư duy theo sáng tạo riêng của mỗi nhóm để tóm tắt kiến thức từ Bài 18 đến Bài 20, trình bày trên giấy khổ A0 để báo cáo vào tiết học sau.